

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HC-PT
Ngày 25-02-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 28/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ-PT ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Số N khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1995 và/ hoặc ông Phan Văn N, sinh năm 1998; cùng địa chỉ liên hệ: Số X đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố T, phường P, thành phố TD, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2021). Ông B Có mặt, ông N vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phước L – là Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số Y đường Nguyễn Hữu Cánh, khu phố Y, phường P, thành phố TD, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chi cục T thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Thành T – chức vụ: Chi cục trưởng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số N khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Số N khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th (gọi tắt là ông Th) trình bày:*

Năm 1998, ông Th được Tư lệnh Quân đoàn X giao Lô đất số 72, dãy E thuộc khu gia đình cán bộ Lữ đoàn Y, nay là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 274, diện tích 150m², loại đất: Đất ở đô thị tại xã B, huyện T (nay thuộc KDC 434, phường B, thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 285/QĐ-NĐ/98 cấp ngày 20/3/1998. Năm 1999, ông Th xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay và không có tranh chấp với bất kỳ ai. Thời điểm năm 1998 đến 1999, ông Th đã nộp tiền sử dụng đất đầy đủ cho Ban Tài chính Lữ đoàn Y theo quy định. Ngày 03/5/2008, ông Th và bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông Th) làm hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, nhưng chưa được giải quyết. Năm 2009 và các năm tiếp theo, ông Th vẫn muốn làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn chưa được giải quyết, do chưa có chủ trương, đất tiếp giáp đất của dân, đất thừa diện tích, đất thiếu diện tích, v.v...

Ngày 26/12/2019, ông Th nộp đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên. Ông Th đã nộp hồ sơ hoàn chỉnh, có bản vẽ đo đạc ngày 26/12/2019 và nhận được biên nhận hẹn ngày 17/3/2020 trả lời kết quả. Đến ngày 17/3/2020, ông Th đến Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T, cụ thể là cửa số 6 thì được trả lời chưa xong, cán bộ ở đây hẹn ông Th khi nào có kết quả sẽ thông báo qua điện thoại, nhưng ông Th vẫn không nhận được thông báo. Sau dịch bệnh Covid 19 và cách ly toàn xã hội, ông Th tiếp tục đến Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T liên hệ và nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT ngày 31/3/2020 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081 ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T. Không đồng ý với số tiền sử dụng đất và tiền lệ phí trước bạ nhà, đất nên ông Th làm đơn xin tính lại tiền thuế sử dụng đất và kiến nghị về chính sách thuế đến Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T và Cục T tỉnh Bình Dương.

Trả lời đơn của ông Th, Chi cục T thành phố T có Công văn số 1887/CCT-KTNB ngày 15/6/2020, Công văn số 4902/CCT-TBTK ngày 26/3/2021 và Quyết định số 1296/QĐ-CCT ngày 16/6/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Ngọc Th; Cục T tỉnh Bình Dương có Công văn số 3777/CTBDU-KTNB ngày 08/3/2021. Các công văn trên có nội dung giải thích cách tính tiền sử dụng đất và quy định của pháp luật có liên quan, nhưng vẫn giữ nguyên mức nộp tiền sử dụng đất và tiền lệ phí trước bạ theo như thông báo.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền sử dụng đất. Bởi vì trường hợp của ông Th đã nộp tiền sử dụng đất; ông Th đã cất nhà ở ổn định từ năm 1999 cho đến nay và kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2008. Việc tính tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất ở các thông báo nêu

trên là không đúng quy định, làm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các thông báo về thuế, gồm:

Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T;

Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/B-CCT ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Ngọc Th là ông Nguyễn Phước L có ý kiến: Thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Th, đồng thời xác định: Quyết định số 285/QĐ-NĐ/98 ngày 20/3/1998 của Tư lệnh Quân đoàn X thể hiện cấp đất để xây dựng nhà ở. Đến ngày 03/4/2007, Quân đoàn X giao toàn bộ khu đất trên cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quản lý, biên bản bàn giao ghi rõ khu đất bàn giao có một số lô đất cấp cho quân nhân đã xây dựng nhà ở, trong đó có lô đất của ông Th. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì: *“Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất thì không thu tiền sử dụng đất”*. Và điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính quy định: *“1. Giấy tờ chứng minh về việc đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất khi xác định tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; bao gồm: “... c) Biên lai, phiếu thu, hóa đơn hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất của Ủy ban nhân dân các cấp hoặc của cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền”*. Ông Th có 02 phiếu thu thể hiện đã nộp tiền sử dụng đất cho Quân đoàn X nên việc Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T ban hành thông báo thuế đối với ông Th là không đúng quy định, không đảm bảo về mặt hình thức, không thể hiện người ban hành, chữ ký và con dấu nên không hội đủ các điều kiện của quyết định hành chính. Mặt khác, văn bản của Cục Chính trị Quân đoàn X trả lời cho Tòa án nhân dân thành phố T xác định thu tiền của ông Th để xây dựng cơ sở hạ tầng là không phù hợp.

** Tại Văn bản số 17268/CCT-TBTK ngày 24/6/2021, Văn bản số 24915/CCT-TBTK ngày 17/9/2021 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Lý Minh Khiết T trình bày:*

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2658/PC-CNVĐĐK ngày 30/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T xác định nghĩa vụ tài chính cho thửa đất số 9, tờ bản đồ 274, mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị (ODT), cụ thể như sau:

Nguồn gốc đất: Trước năm 1975, đất do Quân đoàn X quản lý. Đến năm 1998, Tư lệnh Quân đoàn X giao đất cho ông Đỗ Ngọc Th theo Quyết định số 285/QĐ-NĐ/98 ngày 20/3/1998 với diện tích là 150m² (05mx30m) tại khu phố Bình Đáng, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đơn kê khai nguồn gốc đất, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Hiện trạng đất đã xây dựng nhà ở và phòng trọ, thời điểm xây dựng là năm 1999, được Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B xác nhận ngày 20/01/2020. Ngày 19/3/2020, ông Th được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Quyết định

số 1018/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 về việc “*giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” với diện tích 150m², thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ 274 tọa lạc tại khu phố Bình Đáng, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Từ các thông tin trên, diện tích đất để xác định nghĩa vụ tài chính là 150m² (nhà xây dựng sau ngày 15/10/1993 đến ngày 01/07/2004). Do đó, Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T phát hành Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT ngày 31/3/2020 cho ông Th với tổng số tiền phải nộp là 272.700.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 59, khoản 1 và khoản 2 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 thì Tư lệnh Quân đoàn X giao đất cho ông Th là không đúng thẩm quyền. Vì vậy, căn cứ tiết 2 điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T ban hành Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT ngày 31/3/2020 để yêu cầu ông Th phải nộp số tiền 272.700.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 24/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:* Thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc Th và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 8, Điều 9, Điều 117 của Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 23, Điều 79 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 55, Điều 59, Điều 107, Điều 108, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc Th về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT ngày 31/3/2020 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/10/2021, người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th. Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất theo ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Ngọc Th nêu ra.

Người bị kiện Chi cục T thành phố T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và

yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã làm rõ các tình tiết của vụ án; theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định số tiền ông Th nộp cho Ban Tài chính Quân đoàn X là tiền xây dựng cơ sở hạ tầng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì trường hợp của ông Th là phải nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất đối với ông Th là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ. Ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Đỗ Ngọc Th, nhận thấy: Ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 02/2021/HC-ST. Ngày 05/10/2021, ông Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 08/10/2021, ông Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của ông Th là hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Th, nhận thấy: Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13/4/2021, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT ngày 31/3/2020 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T, vì cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 274, diện tích 150m², loại đất: Đất ở đô thị tọa lạc tại xã B, huyện T (nay thuộc KDC 434, khu phố Bình Đáng, phường B, thành phố T), tỉnh Bình Dương là ông Th được Tư lệnh Quân đoàn X cấp theo Quyết định số 285/QĐ-NĐ/98 ngày 20/3/1998. Năm 1999, ông Th xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay. Thời điểm từ năm 1998 đến 1999, ông Th đã nộp tiền để sử dụng đất đầy đủ cho Ban Tài chính Lữ đoàn Y theo quy định. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày

16/6/2014 của Bộ Tài chính thì trường hợp của ông Th đã nộp tiền sử dụng đất. Việc Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T tiếp tục tính tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất theo các thông báo nêu trên là không đúng quy định, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th nên khởi kiện (bút lục 41-42).

[4] Xét kháng cáo của ông Th, nhận thấy: Theo nội dung Quyết định số 285/QĐ-NĐ/98 ngày 20/3/1998 của Tư lệnh Quân đoàn X, thể hiện: *“Giao lô đất 72 dãy E thuộc khu gia đình Lữ đoàn Y xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương tổng diện tích 150m² (05m x 30m)”* để ông Đỗ Ngọc Th xây dựng nhà ở; ông Th *“được quyền sử dụng và quản lý lô đất trên, đồng thời phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi chế độ, quy định về luật đất đai hiện hành”*. Như vậy, quyết định trên chỉ giao diện tích đất trên cho ông Th xây dựng nhà ở, đồng thời yêu cầu ông Th *“phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi chế độ, quy định về luật đất đai hiện hành”*, không có nội dung nào xác định việc Tư lệnh Quân đoàn X cấp đất cho ông Th (bút lục 06). Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993 thì thẩm quyền giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (tức Ủy ban nhân dân thành phố T) nên việc ông Th cho rằng Tư lệnh Quân đoàn X đã cấp đất cho ông Th là không có căn cứ.

[5] Theo Văn bản số 290/CCT-PCB ngày 28/6/2021 của Cục Chính trị - Bộ Tư lệnh Quân đoàn X về việc *“cung cấp thông tin giao đất cho cán bộ”* xác định: Năm 1998, thực hiện Quyết định số 1269/QĐ-BQP ngày 30/7/1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc quy hoạch căn cứ Sóng Thần thuộc tỉnh Bình Dương, Quân đoàn X đã xét giao đất cho cán bộ Lữ đoàn Y thuộc xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương) theo đúng thẩm quyền. Như vậy, việc giao đất cho cán bộ khu vực Lữ đoàn Y được Bộ Tư lệnh Quân đoàn X thực hiện đúng trình tự, thủ tục của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng. Ngày 03/4/2007, Quân đoàn X đã bàn giao cho địa phương quản lý khu gia đình sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên Quốc phòng Lữ đoàn Y. Nội dung Biên bản bàn giao số 72/BBBG-NĐ ngày 03/4/2007 có nêu *“Từ ngày Quân đoàn X ký văn bản bàn giao khu gia đình Lữ đoàn Y cho UBND tỉnh Bình Dương quản lý. Chính quyền và các cơ quan chức năng có trách nhiệm quản lý về mặt hành chính, hướng dẫn các hộ gia đình làm các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ”*. *“Khi giao đất khu gia đình cán bộ Lữ đoàn Y (năm 1998), Quân đoàn X có giao cho các cơ quan, đơn vị thu 15.000.000 đồng/suất để Quân đoàn X cân đối kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Như vậy, ông Đỗ Ngọc Th nộp 15.000.000 đồng cho Ban Tài chính, Lữ đoàn Y là để xây dựng cơ sở hạ tầng (không phải thu tiền sử dụng đất)”* (bút lục 56). Việc ông Th cho rằng đã nộp tiền sử dụng đất nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Th được miễn nộp tiền sử dụng đất để yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các thông báo nộp thuế của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T là không có căn cứ.

[6] Xét việc ban hành các thông báo nộp thuế của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T, nhận thấy: Ngày 03/5/2008, ông Th và bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông Th) có đơn xin kê khai nguồn gốc đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa được giải quyết. Đến ngày 26/12/2019, ông Th, bà Ngh tiếp tục có đơn xin đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất; tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất. Ngày 31/3/2020, Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T căn cứ vào nội dung Quyết định về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1018/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2658/PC-CNVPĐK ngày 30/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T; căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 79 của Luật Đất đai năm 1993; điểm c khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương để ban hành Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT là có căn cứ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc hủy thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục T thị xã (nay là thành phố T) là có căn cứ, đúng quy định.

[7] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Ngọc Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 242 và khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Ngọc Th; giữ nguyên quyết định của Bản án số 02/2021/HC-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, như sau:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 8, Điều 9, Điều 117 của Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 23, Điều 79 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 55, Điều 59, Điều 107, Điều 108, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*quy định về việc thu tiền sử dụng đất*” và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc Th về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2071107-TK0006080/TB-CCT ngày 31/3/2020 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2071107-TK0006081/TB-CCT ngày 31/3/2020 của Chi cục T thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đỗ Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0055471 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001803 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa HC, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đắc Cường